

THỰC TRẠNG CỐ KẾT NHÓM TRONG CÁC NHÓM CHÍNH THỨC CỦA SINH VIÊN MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở HÀ NỘI

Nguyễn Đức Sơn

Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường DHSP Hà Nội.

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu các mức độ cố kết của các nhóm xã hội là một vấn đề được nhiều nhà tâm lý học xã hội quan tâm vì nó vừa có ý nghĩa lý luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn. Về mặt lý luận, nó chỉ ra được bản chất của hiện tượng cố kết nhóm, góp phần làm rõ phương diện tâm lý xã hội đặc trưng trong đời sống của các nhóm xã hội. Về mặt thực tiễn, việc xác định được các mức độ cố kết của các nhóm tạo cơ sở cho việc thiết kế các biện pháp tác động giúp nhóm phát triển. Tuy vậy, chưa có nhiều nghiên cứu về các mức độ cố kết của các nhóm, đặc biệt là các nhóm sinh viên. Đây là một sự thiếu hụt lớn, bởi khó có thể hình dung về một nhóm xã hội mà không biết được mức độ cố kết của nó. Do vậy, nghiên cứu của chúng tôi tập trung vào việc xác định thực trạng mức độ cố kết của một số nhóm chính thức trong tập thể sinh viên ở một số trường Đại học trên địa bàn Hà Nội.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu:

Nghiên cứu được tiến hành trên 32 nhóm chính thức của sinh viên thuộc 4 trường Đại học: ĐHSP Hà Nội, ĐH KHXH & NV, ĐH Bách khoa Hà Nội và Viện ĐH Mở Hà Nội (nhóm chính thức là các tổ học tập của sinh viên trong một lớp). Bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên, mỗi trường chúng tôi chọn 8 nhóm thuộc 4 khối lớp từ năm thứ nhất đến năm thứ 4, mỗi khối 2 nhóm. Tổng số sinh viên được nghiên cứu là 503.

Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp điều tra viết nhằm xác định các mức độ thống nhất mục đích của nhóm. Từ đó tính chỉ số cố kết mục đích và xác định mức độ cố kết mục đích của nhóm.

- Phương pháp Trắc đặc xã hội của R. Moreno cho phép phát hiện sự lựa chọn lẫn nhau trong các nhóm chính thức, từ đó tính chỉ số cố kết và xác định mức độ cố

kết của nhóm. Các tiêu chí trắc đặc xã hội được xây dựng căn cứ vào các hoạt động cơ bản của sinh viên là hoạt động học tập, hoạt động đoàn thể xã hội và văn hóa thể thao.

- Trắc nghiệm cố kết định hướng giá trị nhóm (R.O. Nhemôv). Trắc nghiệm này được sử dụng để tính chỉ số thống nhất định hướng giá trị của nhóm, từ đó xác định các mức độ cố kết giá trị. Chỉ số này được tính dựa trên sự lựa chọn các giá trị chung của các thành viên nhóm trên một tập hợp các giá trị do các thành viên tự đưa ra đã được người nghiên cứu thu thập.

- Phương pháp thống kê toán. Sử dụng phần mềm thống kê SPSS để xử lý các dữ liệu thu được.

- Các tiêu chí đánh giá:

Chỉ số cố kết tổng thể được tính bằng công thức sau:

$$C_{tt} = \frac{C1 + 2C2 + 3C3}{6}$$

Các mức độ đánh giá như sau : $0,5 \leq C1 \leq 1$: Mức độ cố kết cao
 $0,3 \leq C1 < 0,5$: Mức độ cố kết trung bình
 $0 \leq C1 < 0,3$: Mức độ cố kết thấp.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Quan niệm về sự cố kết nhóm

Hiện có một số quan niệm khác nhau về cố kết nhóm nên có các phương pháp xác định mức độ cố kết nhóm khác nhau. Chúng tôi cho rằng: “Cố kết nhóm là tổ hợp những sức mạnh lôi cuốn các thành viên tham gia và gắn bó với nhóm, được tạo thành bởi sự hấp dẫn xúc cảm lẫn nhau, sự tương đồng các giá trị nhóm và sự theo đuổi mục đích chung. Sự cố kết nhóm được quy định bởi hoạt động chung của nhóm”. Từ quan niệm này, chúng tôi tiến hành nghiên cứu cố kết của nhóm sinh viên như một chỉnh thể, được tạo thành bởi các mức độ cố kết thành phần, bao gồm: cố kết xúc cảm, cố kết giá trị và cố kết mục đích. Các mức độ cố kết thành phần có các vị trí và vai trò khác nhau trong cố kết tổng thể.

3.2. Ma trận xã hội và chỉ số cố kết

Bảng 1: Mức độ cố kết xúc cảm của các nhóm

Stt	Nhóm	Số S.Viên (n)	Chỉ số	Mức độ cố kết			Tỷ lệ
				Thấp	TB	Cao	
1	1ĐHSP	9	0,22	+			
2	2ĐHSP	9	0,44		+		3,13 %
3	3ĐHSP	10	0,28	+			
4	4ĐHSP	10	0,13	+			
5	5ĐHSP	13	0,11	+			
6	6ĐHSP	11	0,07	+			
7	7ĐHSP	12	0,13	+			
8	8ĐHSP	10	0,24	+			
9	1ĐHQG	10	0,28	+			
10	2ĐHQG	11	0,2	+			

11	3ĐHQG	19	0,13	+			
12	4ĐHQG	18	0,05	+			
13	5ĐHQG	14	0,08	+			
14	6ĐHQG	11	0,14	+			
15	7ĐHQG	12	0,29	+			
16	8ĐHQG	11	0,12	+			
17	1BK	34	0,05	+			
18	2BK	25	0,06	+			
19	3BK	26	0,12	+			
20	4BK	21	0,06	+			
21	5BK	15	0,02	+			
22	6BK	15	0,13	+			
23	7BK	22	0,05	+			
24	8BK	16	0,1	+			
25	1VĐHM	25	0,1	+			
26	2VĐHM	20	0,1	+			
27	3VĐHM	21	0,09	+			
28	4VĐHM	14	0,05	+			
29	5VĐHM	15	0,12	+			
30	6VĐHM	15	0,09	+			
31	7VĐHM	15	0,09	+			
32	8VĐHM	14	0,13	+			
Tổng Tỷ lệ	N = 32	503 100%	X = 0,1334	31 96,87%	1 3,13 %	0 0%	100%

Ghi chú: Các nhóm nghiên cứu được mã hoá và đánh STT từ 1-8 theo trường, nhóm 1, 2 thuộc khối 1; nhóm 3, 4 thuộc khối 2; nhóm 5, 6 thuộc khối 3; nhóm 7, 8 thuộc khối 4.

Kết quả thu được cho thấy: trong tổng số 32 nhóm sinh viên, chỉ có 1 nhóm có mức độ cố kết trung bình. Các nhóm còn lại có mức độ cố kết thấp. Chỉ số cố kết trung bình của tất cả các nhóm sinh viên nằm ở cận dưới của mức độ cố kết thấp. Tiến hành kiểm định t- test để xác định sự khác biệt giữa các chỉ số cố kết của các nhóm cho kết quả: chỉ số cố kết của các nhóm chính thức của sinh viên là không có sự khác biệt và cố kết xúc cảm đều ở mức độ thấp.

Từ kết quả nêu trên có thể kết luận: trong các nhóm chính thức của sinh viên thiếu sự gắn bó về mặt xúc cảm, thậm chí là sự rời rạc trong quan hệ xúc cảm giữa các thành viên. Nguyên nhân của thực trạng này là:

- Các nhóm chính thức của sinh viên được hình thành một cách cơ học không tính đến quan hệ xúc cảm giữa các thành viên. Sinh viên “*Không được lựa chọn nhóm*” là một nguyên nhân của thực trạng trên.

- Việc hình thành nhóm chưa tính đến số lượng các thành viên trong nhóm. Số lượng lớn làm cho các thành viên khó có điều kiện tiếp xúc để hiểu nhau.

- Tuy nhiên, các nhóm chính thức không thể chỉ hoạt động dựa trên cơ sở các quan hệ xúc cảm, mà nó phải thực hiện những chức năng của mình bằng hoạt động. Nhưng các hoạt động chung của nhóm lại thiếu hụt, nên các quan hệ xúc cảm trực tiếp không có điều kiện để phát triển. Do vậy, mức độ cố kết xúc cảm thấp là điều khó tránh khỏi.

3.3. Thực trạng mức độ cố kết giá trị của các nhóm

Bảng 2: Mức độ cố kết giá trị của các nhóm

Stt	Nhóm	Số s viên (n)	Chỉ số	Mức độ		
				Thấp	TB	Cao
1	1ĐHSP	9	0,46		+	
2	2ĐHSP	9	0,41		+	
3	3ĐHSP	10	0,41		+	
4	4ĐHSP	10	0,43		+	
5	5ĐHSP	13	0,45		+	
6	6ĐHSP	11	0,42		+	
7	7ĐHSP	12	0,38		+	
8	8ĐHSP	10	0,44		+	
9	1ĐHQG	10	0,35		+	
10	2ĐHQG	11	0,41		+	
11	3ĐHQG	19	0,37		+	
12	4ĐHQG	18	0,43		+	
13	5ĐHQG	14	0,39		+	
14	6ĐHQG	11	0,42		+	
15	7ĐHQG	12	0,41		+	
16	8ĐHQG	11	0,44		+	
17	1BK	34	0,35		+	
18	2BK	25	0,32		+	
19	3BK	26	0,39		+	
20	4BK	21	0,37		+	
21	5BK	15	0,45		+	
22	6BK	15	0,38		+	
23	7BK	22	0,33		+	
24	8BK	16	0,38		+	
25	1VĐHM	25	0,34		+	
26	2VĐHM	20	0,38		+	
27	3VĐHM	21	0,37		+	
28	4VĐHM	14	0,35		+	
29	5VĐHM	15	0,37		+	
30	6VĐHM	15	0,39		+	
31	7VĐHM	15	0,4		+	
32	8VĐHM	14	0,44		+	
Tổng Tỷ lệ	N = 32 100%	503 100%	X = 0,39	0 0%	32 100%	0 0%

Số liệu trên cho thấy: cố kết giá trị của các nhóm sinh viên ở mức độ trung bình, mặc dù chỉ số cụ thể của các nhóm có sự khác nhau. Kết quả này có thể được lý giải như sau:

- Mỗi cá nhân khi tham gia vào nhóm đã nhận thức ở một mức độ nhất định những yêu cầu của nhóm đối với mình. Bản thân cá nhân đã từng tham gia vào các nhóm chính thức khác trong thời gian đi học. Do vậy, có sự trùng hợp một số giá trị liên quan đến hoạt động của nhóm. Sự trùng hợp này có thể coi là sự trùng hợp mang tính chất biểu tượng.

- Sự lựa chọn giá trị có độ phân tán cao, các đặc trưng được lựa chọn tập trung nhất cũng chỉ đạt dưới 50%. Chưa có sự thống nhất giữa các giá trị biểu tượng và giá trị thực tế.

- Sự thống nhất định hướng giá trị ở mức cao chỉ có thể có được khi một nhóm thường xuyên hoạt động, biết tổ chức hợp lý và các thành viên thực sự gắn bó với nhóm và các giá trị nhóm.

3.4. Mức độ cố kết mục đích nhóm, sự chia sẻ và theo đuổi mục đích chung

Bảng 3: Mức độ cố kết mục đích nhóm

Stt	Nhóm	Số s. viên (n)	Chỉ số	Mức độ cố kết			Tỷ lệ
				Thấp	TB	Cao	
1	1ĐHSP	9	0,36		+		3,13%
2	2ĐHSP	9	0,39		+		3,13 %
3	3ĐHSP	10	0,35		+		
4	4ĐHSP	10	0,33		+		
5	5ĐHSP	13	0,34		+		
6	6ĐHSP	11	0,32		+		
7	7ĐHSP	12	0,29	+			
8	8ĐHSP	10	0,35		+		
9	1ĐHQG	10	0,37		+		
10	2ĐHQG	11	0,39		+		
11	3ĐHQG	19	0,38		+		
12	4ĐHQG	18	0,36		+		
13	5ĐHQG	14	0,32		+		
14	6 ĐHQG	11	0,32		+		
15	7ĐHQG	12	0,34		+		
16	8ĐHQG	11	0,34		+		
17	1BK	34	0,34		+		
18	2BK	25	0,36		+		
19	3BK	26	0,34		+		
20	4BK	21	0,34		+		
21	5BK	15	0,31		+		
22	6BK	15	0,33		+		
23	7BK	22	0,33		+		
24	8BK	16	0,32		+		
25	1VĐHM	25	0,37		+		
26	2VĐHM	20	0,37		+		
27	3VĐHM	21	0,33		+		
28	4VĐHM	14	0,33		+		
29	5VĐHM	15	0,29	+			
30	6VĐHM	15	0,32		+		
31	7VĐHM	15	0,32		+		
32	8VĐHM	14	0,33		+		
Tổng Tỷ lệ	N = 32 100 %	503 100 %	X = 0,34	2 6,3 %	30 93,7 %	0 0 %	100 %

Các chỉ số cho thấy: hầu hết các nhóm có mức độ cố kết mục đích ở mức độ trung bình, chỉ có 2 nhóm ở mức độ thấp. Các chỉ số cố kết mục đích của các nhóm tương đối tập trung, ít phân tán. Do vậy có thể kết luận mức độ cố kết mục đích của các nhóm nói chung ở mức trung bình. Có thể giải thích như sau:

- Sự thống nhất mục đích mới chỉ dừng lại ở mức độ biểu tượng hay ở mức độ nhận thức của các cá nhân. Đó là sự thống nhất về biểu tượng, chứ chưa có được sự thống nhất mang tính thao tác. Các thành viên chưa tham gia thực sự để thống nhất mục đích và theo đuổi mục đích.

- Các thành viên chưa thực sự hoạt động cùng nhau, việc thực hiện và theo đuổi các mục đích chung còn yếu, nên các hoạt động cùng nhau tác động rất ít đến sự cố kết.

3.5. Mức độ cố kết tổng thể của nhóm

Từ chỉ số cố kết của các cố kết thành phần, chúng tôi tính được chỉ số cố kết tổng thể của các nhóm được nghiên cứu như sau:

Bảng 5: Mức độ cố kết tổng thể của các nhóm

Stt	Nhóm	Số s. viên (n)	Chỉ số	Mức độ cố kết		
				Thấp	TB	Cao
1	1ĐHSP	9	0,37		+	
2	2ĐHSP	9	0,39		+	
3	3ĐHSP	10	0,35		+	
4	4ĐHSP	10	0,33		+	
5	5ĐHSP	13	0,33		+	
6	6ĐHSP	11	0,31		+	
7	7ĐHSP	12	0,29	+		
8	8ĐHSP	10	0,36		+	
9	1ĐHQG	10	0,34		+	
10	2ĐHQG	11	0,36		+	
11	3ĐHQG	19	0,33		+	
12	4ĐHQG	18	0,33		+	
13	5ĐHQG	14	0,30		+	
14	6 ĐHQG	11	0,32		+	
15	7ĐHQG	12	0,35		+	
16	8ĐHQG	11	0,34		+	
17	1BK	34	0,29	+		
18	2BK	25	0,29	+		
19	3BK	26	0,32		+	
20	4BK	21	0,30		+	
21	5BK	15	0,30		+	
22	6BK	15	0,31		+	
23	7BK	22	0,28	+		
24	8BK	16	0,30		+	
25	1VĐHM	25	0,32		+	
26	2VĐHM	20	0,33		+	
27	3VĐHM	21	0,30		+	

28	4VDHM	14	0,29	+		
29	5VDHM	15	0,29	+		
30	6VDHM	15	0,31		+	
31	7VDHM	15	0,31		+	
32	8VDHM	14	0,33		+	
Tổng Tỷ lệ %	N = 32 100%	503 100%	X = 0,32	6 18,7%	30 81,3%	0 0%

Số liệu bảng 5 cho thấy: Nhìn chung các nhóm chính thức của sinh viên có mức độ cố kết tổng thể nằm ở cận dưới của mức độ trung bình. Điều đáng chú ý là xét về cố kết tổng thể, có đến 6 nhóm có mức độ cố kết tổng thể thấp. So sánh số lượng các nhóm này với số lượng các nhóm có mức độ cố kết giá trị thấp và các nhóm cố kết mục đích thì thấy số lượng nhóm có cố kết tổng thể ở mức độ thấp cao hơn hẳn. Điều này là kết quả tất yếu khi đa số các nhóm có mức độ cố kết xúc cảm thấp.

Cố kết xúc cảm là một thành phần tạo ra cố kết tổng thể (cùng với cố kết giá trị và cố kết mục đích). Do vậy, mức độ thấp của cố kết xúc cảm làm cố kết tổng thể thấp xuống (ở mức thấp), trong khi cố kết giá trị và cố kết mục đích ở mức trung bình. Như vậy, nếu cải thiện được mức độ cố kết xúc cảm thì cố kết tổng thể sẽ được nâng lên. Tuy nhiên, nếu chỉ tăng cường mức độ cố kết xúc cảm mà không cải thiện được các mức độ cố kết thành phần khác thì cũng khó có thể có được một nhóm chính thức với mức độ cố kết tổng thể cao.

So sánh tương quan giữa các lớp cố kết của 32 nhóm sinh viên và tương quan giữa các lớp với tổng thể, chúng tôi thu được kết quả sau:

Bảng 6: Kiểm định hệ số tương quan giữa các lớp cố kết

Stt	So sánh các chỉ số của các lớp cố kết	Hệ số tương quan của mẫu (N = 32)	Kiểm định tương quan của tổng thể
1	Lớp 1 / lớp 2	0,251	0,166
2	Lớp 1/ lớp 3	0,47	0,007
3	Lớp 2/ lớp 3	- 0,048	0,749
4	Lớp 1/ tổng thể	0,848	0,000
5	Lớp 2/ tổng thể	0,547	0,001
6	Lớp 3/ tổng thể	0,668	0,000

Số liệu cho ta thấy: cố kết xúc cảm và cố kết giá trị có tương quan thuận nhưng không chặt. Sự gắn bó xúc cảm tăng, có thể làm tăng sự thống nhất định hướng giá trị. Hiện tượng này do: các thành viên lựa chọn lẫn nhau theo sự thiện cảm, chứ không lựa chọn trên cơ sở đồng nhất các giá trị, đặc biệt là các giá trị gắn với hoạt động nhóm. Kiểm định tương quan tổng thể cho kết quả: không có liên hệ giữa quan hệ xúc cảm của nhóm với sự thống nhất định hướng giá trị nhóm. Kết quả này có thể giải thích:

- Thực tế các thành viên lựa chọn lẫn nhau chưa dựa trên sự so sánh và thống nhất định hướng giá trị của bản thân với các thành viên khác.

- Thực trạng hoạt động của các nhóm còn tương đối nghèo nàn. Trong hoạt động, chưa có sự quan tâm đến việc thảo luận, bàn bạc thống nhất các nguyên tắc, các quy định làm việc nhóm.

Ngoài ra, có một số điểm khác rất đáng lưu ý. Đó là mối tương quan giữa cố kết xúc cảm và cố kết tổng thể. Đây là tương quan thuận và chặt chẽ. Nghĩa là: quan hệ xúc cảm tốt sẽ có thể có mức độ cố kết tổng thể cao. Trong nghiên cứu cụ thể 32 nhóm sinh viên có thể thấy: trong khi các lớp cố kết giá trị và cố kết mục đích không có sự biến thiên lớn giữa các nhóm và tập trung ở mức độ trung bình, thì cố kết xúc cảm có sự biến thiên rõ rệt hơn và chỉ chủ yếu ở mức độ thấp. Kết quả cố kết tổng thể chịu sự tác động lớn của lớp cố kết này.

Tương quan giữa cố kết mục đích và cố kết tổng thể thuận và chặt, tương tự tương quan giữa cố kết xúc cảm và cố kết tổng thể. Sự chia sẻ và theo đuổi mục đích chung của nhóm ở mức độ cao cũng có thể tạo ra cố kết tổng thể ở mức độ cao. Kết quả kiểm định tổng thể cũng cho kết luận tương tự.

4. Kết luận

Từ việc phân tích các mức độ cố kết tổng thể của các nhóm sinh viên có thể khái quát những nội dung sau:

- Các nhóm chính thức của sinh viên có cố kết tổng thể ở mức độ trung bình thấp. Kết quả này phản ánh tương đối chính xác hiện trạng của các nhóm sinh viên hiện nay. Đó là: các nhóm chính thức chưa có được sự thống nhất định hướng giá trị và sự thống nhất mục đích nhóm chưa cao. Quan hệ xúc cảm giữa các thành viên cũng chỉ ở mức thấp. Cố kết của các nhóm chính thức không cao.

- Việc quan niệm cố kết nhóm là chỉnh thể được tạo thành bởi các lớp cố kết riêng, được thể hiện ở các mức độ cố kết tổng thể là có thể chấp nhận được. Từ quan niệm này có thể định hướng rõ ràng trong việc nghiên cứu sâu hơn từng lớp cấu trúc của cố kết nhóm.

Tài liệu tham khảo

1. Heller. R. *Quản lý nhóm*. NXB TPHCM, 2000.
2. Hoàng Bá Thịnh. *Thanh niên, sinh viên: thực trạng và suy nghĩ*. Tạp chí Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Số 8, 1990.
3. Nguyễn Thạc, Phạm Thành Nghị. *Tâm lý học sư phạm Đại học*. NXB Giáo dục, Hà Nội 1992.

Tiếng Nga (dịch tên sang tiếng Việt)

4. Андреева. G.M. *Tâm lý học xã hội*. NXB Acpekt press, 2002.
5. Петровски. A.V, V.V. Spalinxki. *Tâm lý học xã hội tập thể*. NXB Prosvesenie, 1978.
6. Сталіаренко. L.D. *Thực hành tâm lý học*. NXB Logos, 1995.